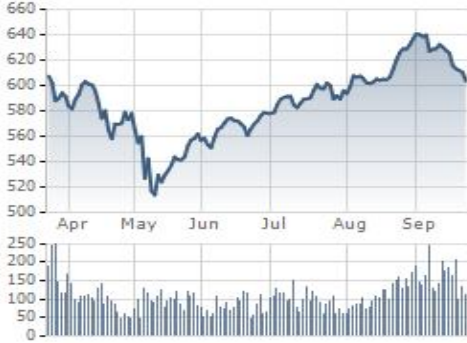


HOSE 25/09/2014

VNINDEX	605.10	1.51	0.25%
KLGD	135,774,325	CP	
GTGD	2,771.96	Tỷ	
GTR NDTNN	-	395.41	Tỷ

CP Tăng giá	160	CP
CP Giảm giá	53	CP
CP Đứng giá	91	CP



Tâm điểm

- ▶ **Lực cầu trở lại mạnh mẽ về cuối phiên, 2 sàn xanh điểm lúc đóng cửa**
- ▶ **Thanh khoản thị trường ở mức trung bình**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3,700 tỷ đồng
- ▶ **Niềm tin người tiêu dùng giảm nhẹ trong tháng 9**
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam ANZ-Roy Morgan đã giảm 0.5 điểm
Thời báo Ngân hàng
- ▶ **Vốn đầu tư nước ngoài 9 tháng đầu năm giảm 25.5%**
Hàn Quốc đã vượt qua Nhật Bản dẫn đầu đầu tư vào Việt Nam
Thời báo Kinh tế Sài Gòn
- ▶ **ADB hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2014 xuống 5.5%**
ADB cũng dự báo, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam ở mức 4.7% trong 8 tháng đầu năm
Infonet/ADB
- ▶ **IMP: Nộp phạt gần 15 tỷ đồng do sai phạm trừ thuốc Tamiflu**
HĐQT IMP đã quyết định lấy nguồn tiền từ quỹ dự phòng TC để thực hiện nộp phạt
Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **SEC: Dự kiến nâng công suất nhà máy lên 6000 TMN trước tháng 11/2014**
SEC đạt mục tiêu năm 2014/2015, đạt 987 tỷ đồng doanh thu, 31 tỷ đồng lợi nhuận
Người Đồng Hành

HNX 25/9/2014

HNXINDEX	88.65	0.94	1.07%
KLGD	70,302,685	CP	
GTGD	1,060.34	Tỷ	
GTR NDTNN	15.54	Tỷ	

CP Tăng giá	134	CP
CP Giảm giá	77	CP
CP Đứng giá	168	CP



Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
--	--------------	-----	-----	-----	-----

Theo thị trường

HOSE	1,079,351	15.1	3.2	19.5%	10.5%
HNX	143,292	14.6	1.8	9.1%	4.4%
Toàn bộ thị trường	1,222,643	16.8	3.1	18.7%	9.9%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,411	6.8	0.9	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,056	9.1	1.5	16.6%	11.1%
Thép và sản phẩm thép	38,979	17.0	2.2	20.7%	9.6%
Khai khoáng	12,234	64.8	5.6	0.3%	0.0%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,768	16.0	1.4	11.6%	7.6%
Xây dựng	32,098	47.3	1.3	-1.5%	2.1%
Máy công nghiệp	9,032	9.5	1.4	15.1%	10.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,994	8.7	1.5	18.9%	13.7%
Lốp xe	8,647	10.7	3.1	27.5%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	20,750	11.9	1.8	16.8%	6.2%
Thực phẩm	198,089	24.2	4.7	20.4%	16.0%
Dược phẩm	15,228	10.6	2.9	24.9%	16.4%
Phần mềm	18,351	11.4	2.3	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	25,446	-	6.0	-14.4%	0.6%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	205,712	16.8	5.5	33.0%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	27,083	22.2	2.3	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	27,665	14.0	1.6	9.5%	7.0%
Ngân hàng	240,113	11.1	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	169,370	17.3	2.9	20.9%	5.1%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	51,521	11.6	2.5	22.6%	9.4%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	653.39	-1.75	-0.27%
HNX30	182.34	2.76	1.54%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Niềm tin người tiêu dùng giảm nhẹ trong tháng 9

Vốn đầu tư nước ngoài 9 tháng đầu năm giảm 25.5%

ADB hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2014 xuống 5.5%

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

IMP: Nộp phạt gần 15 tỷ đồng do sai phạm trừ thuốc Tamiflu

SEC: Dự kiến nâng công suất nhà máy lên 6000 TMN trước tháng 11/2014

VIP: Chi hơn 39 tỷ đồng để sửa chữa 2 tàu Petrolimex 15 và 16

► Tin kinh tế

Ngân hàng ANZ vừa công bố, chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam ANZ-Roy Morgan đã giảm nhẹ xuống còn 135 điểm (giảm 0.5 điểm) trong tháng 9, do số lượng người tiêu dùng đánh giá “đây là thời điểm xấu” để mua các vật dụng chính trong gia đình tăng. Cụ thể, có khoảng 40% người tiêu dùng Việt Nam nói rằng “đây là thời điểm tốt” để mua các vật dụng chính trong gia đình, không thay đổi so với tháng trước. Trong khi số người cho rằng đây là “thời điểm xấu” để mua các vật dụng này lại tăng 5% lên 21%.

Báo cáo mới nhất của FIA (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho thấy, từ đầu năm nay đến ngày 20/9, cả nước có 1,152 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký 7.63 tỉ đô la Mỹ, giảm 17.8% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, có 418 lượt dự án điều chỉnh tăng vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm là 3.54 tỉ đô la Mỹ, giảm 37.9% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung cả dự án mới và tăng vốn trong 9 tháng đầu năm nay, các nhà đầu tư nước ngoài đã cam kết đầu tư vào Việt Nam đạt 11.18 tỉ đô la Mỹ, giảm 25.5% so với cùng kỳ năm ngoái. Cũng theo FIA, từ đầu năm đến nay có 53 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Trong số này, nổi bật là các nhà đầu tư đến từ Hàn Quốc với nhiều dự án đầu tư mới và có số vốn đầu tư lớn.

Dựa trên kết quả đạt được 8 tháng đầu năm, Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2014 xuống còn 5.5%, đồng thời hạ dự báo mức tăng trưởng năm 2015 xuống 5.7%. Trước đó, ADB từng nhận định, tăng trưởng GDP năm nay của Việt Nam có thể đạt mức 5.6% và sẽ tăng lên 5.8% trong năm 2015. ADB cũng cho biết, tốc độ tăng trưởng 5.2% trong 6 tháng đầu năm 2014 là mức tăng trưởng khá khiêm tốn của Việt Nam so với 2 năm trước. Tăng trưởng tín dụng thấp và tái cơ cấu hệ thống ngân hàng nhà nước còn chậm là nguyên nhân chủ yếu khiến tăng trưởng chững lại. Đồng thời, ADB cũng dự báo, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam duy trì ở mức 4.7% trong 8 tháng đầu năm.

► Tin doanh nghiệp

Theo Nghị quyết mới đây của HĐQT CTCP Dược phẩm Imexpharm (HOSE: IMP), Công ty sẽ thực hiện việc nộp phạt 697,500 USD (tương đương khoảng 14.6 tỷ đồng) theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ do sai phạm trong việc trừ thuốc Tamiflu. Cụ thể, ngày 19/09/2014, Tổng Thanh tra Chính phủ đã căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng về việc xử lý sau thanh tra việc mua thuốc dự trừ Tamiflu, ban hành quyết định xử phạt IMP 697,500 USD trong thời hạn 30 ngày vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra Chính phủ. Ngày 23/09, HĐQT Công ty đã quyết định lấy nguồn tiền từ quỹ dự phòng tài chính để thực hiện nộp phạt. Được biết tính đến hết quý 2/2014, Quỹ dự phòng tài chính của IMP là 16.7 tỷ đồng.

Trong niên độ tài chính tới, Công ty Cổ phần Mía đường Gia Lai (HOSE: SEC) dự kiến nâng công suất nhà máy từ 3,500 TMN lên 6,000 TMN trước vụ ép, đồng thời mở rộng thêm vùng nguyên liệu. Thông qua việc mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, SEC sẽ giảm được giá thành sản phẩm, tận dụng được lợi thế quy mô. Mục tiêu năm 2014/2015, đạt 987 tỷ đồng doanh thu, 31 tỷ đồng lợi nhuận. Được biết, trong 6 tháng đầu năm 2014, công ty đã đạt được mức lợi nhuận vượt 31% kế hoạch đề ra. Cụ thể, sản lượng tăng mạnh đạt 42,876 tấn, vượt 1% kế hoạch. Sản lượng điện bán lên lưới quốc gia đạt 19.6 triệu KWh vượt 12% so với kế hoạch. Chất lượng đường RS có sự gia tăng đáng kể khi độ màu ở mức 79 IU và pol đạt 99.73%, tỷ lệ sản phẩm không phù hợp ở mức 0.3%.

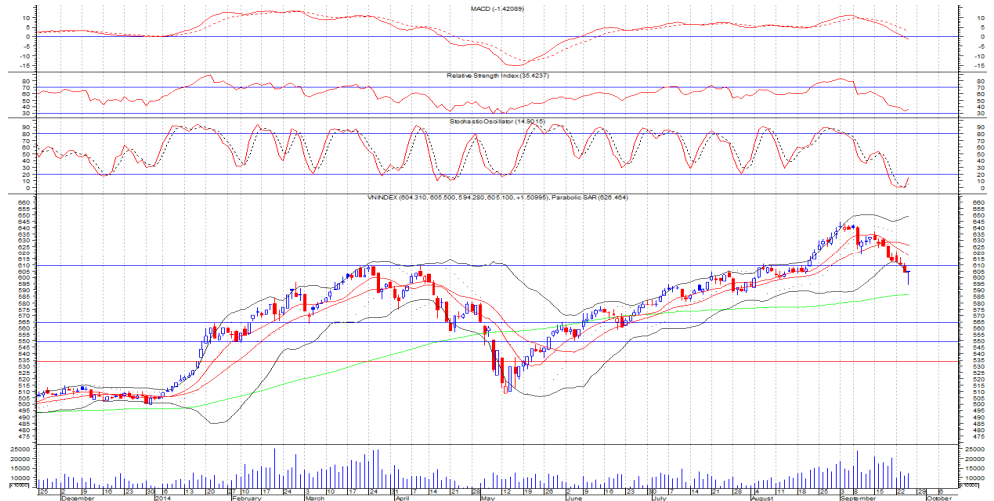
Vừa qua, HĐQT CTCP Vận tải Xăng dầu VIPCO (HOSE: VIP) đã duyệt giá trị quyết toán để sửa chữa hai tàu Petrolimex 15 và 16 với số tiền lần lượt là 12.3 và 26.9 tỷ đồng. Bên cạnh đó Công ty cũng thống nhất việc tiết giảm chi phí tài chính nhằm nâng cao hiệu quả của CTCP Vận tải Xăng dầu VP. Đối với dự án xây dựng tòa nhà VIPCO TOWER, Công ty sẽ đẩy nhanh tiến độ hoàn thành phần thô, tìm đối tác chào bán dự án bằng hình thức phù hợp.

HOSE 25/09/2014 VNINDEX 605.10 1.51 0.25% 135,774,325 CP 2,771.96 bil VND

Lực cầu trở lại mạnh mẽ về cuối phiên, 2 sản xanh điểm lúc đóng cửa

VN-Index tăng 1,51 điểm (+0.25%), đóng cửa tại mức 605,10 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, bóng dưới dài, cây nến gần giống với nến Doji Dragon thể hiện xu hướng giảm điểm kết thúc.

- MACD tiếp tục đi xuống và đã cắt xuống đường zero - base. Đây là tín hiệu khá tiêu cực.
- Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại, đây là tín hiệu rất tích cực.
- VN-Index nhiều khả năng sẽ hồi phục tích cực trở lại ở những phiên sắp tới.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.1 (0.9%)	15,092,300
VIC	-3.5 (-6.3%)	7,753,290
ITA	0.1 (1.2%)	4,673,090
SSI	0.5 (1.8%)	4,587,730
KSA	0.6 (7.0%)	4,237,020

HOSE Top 5 theo % tăng

ITD	0.7 (7.0%)	284,850
KSA	0.6 (7.0%)	4,237,020
VIP	1 (6.9%)	1,999,220
MHC	1.1 (6.9%)	903,490
KSH	1.4 (6.9%)	1,503,390

HOSE Top 5 theo % giảm

MWG	-12 (-6.9%)	30,100
TDW	-1.5 (-6.8%)	50
VIC	-3.5 (-6.3%)	7,753,290
COM	-2.4 (-6.2%)	40
STT	-0.3 (-5.7%)	10,020

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	18,1 tỷ	187,940
DRC	8,3 tỷ	135,020
KBC	7,5 tỷ	523,560
KDC	7,4 tỷ	122,040
CTG	4,9 tỷ	337,580

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-336,4 tỷ	6,400,210
GAS	-62,9 tỷ	599,570
SJS	-23,4 tỷ	948,380
SSI	-15,2 tỷ	531,200
VCB	-10,1 tỷ	383,480

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-6,862,360	- 395.41

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Bên bán vẫn khá chủ động, nhiều mã vốn hóa lớn bị bán mạnh khiến VN-Index có thời điểm giảm khá sâu. Tuy nhiên, lực mua đã trở lại vào cuối phiên.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 123 triệu đơn vị. Đây là tín hiệu khá tích cực trong bối cảnh thanh khoản liên tục sụt giảm trong những phiên vừa rồi.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 65,2 tỷ. Trong đó tập trung nhiều ở GAS, SSI, ngoài ra khối này mua nhiều ở HAG, KDC.
- ▶ VN-Index nhiều khả năng sẽ hồi phục tích cực trở lại. Nhóm cổ phiếu dầu khí, BĐS và Chứng khoán kỳ vọng sẽ thu hút dòng tiền ở nhịp hồi phục này.
- ▶ NĐT có thể mua trở lại nếu thanh khoản gia tăng mạnh mẽ, tập trung vào nhóm cổ phiếu đã điều chỉnh mạnh ở giai đoạn vừa rồi.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

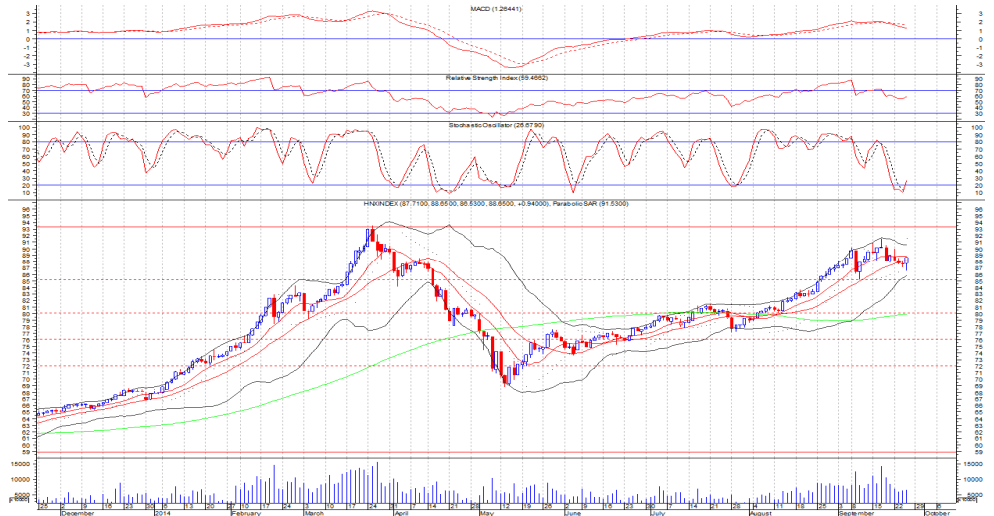
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	107.0	202,765.00	17.2	5.6	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	106.0	106,012.57	17.3	5.7	34.1%	27.1%
VIC	1,403.3	52.0	72,972.81	16.3	4.4	27.6%	6.2%
VCB	2,665.0	26.5	70,623.04	15.5	1.6	10.6%	1.0%
MSN	735.8	83.5	61,439.98	-1,502.0	4.3	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.9	39,075.72	9.6	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	98.0	29,697.62	12.7	2.7	22.7%	10.7%
HPG	481.9	58.5	28,191.63	10.1	2.7	28.3%	12.8%
BVH	680.5	40.3	27,423.00	22.2	2.3	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.6	4,503.09	17.6	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	53.5	18,398.34	11.3	2.4	NA	TH.DOI
CII	115.5	20.9	2,414.51	7.8	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.6	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.1	674.33	4.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	25.7	709.58	2.8	1.1	NA	TH.DOI

HNX 25/09/2014 HNX-Index 88.65 0.94 1.07% 70,302,685 CP 1,060.34 bil. VND

Lực cầu trở lại mạnh mẽ về cuối phiên, 2 sản xanh điểm lúc đóng cửa
 Chỉ số HNX-Index tăng 0.94 điểm (+1.07%), đóng cửa tại mốc 88.65 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến vừa phải, chỉ số này hồi phục tốt sau khi phá vỡ mốc 87 điểm.
 - Chỉ báo Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại, đây là tín hiệu rất tích cực.
 - MACD sau khi cho tín hiệu bán tiếp tục sụt giảm.
 - RSI (14) tăng tích cực lên mức 59.
 - Nhiều khả năng HNX-Index sẽ hồi phục ở những phiên sắp tới.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.3 (4.8%)	14,916,070
PVS	0.8 (1.9%)	6,627,360
FIT	1 (5.4%)	4,520,000
KLS	0.2 (1.6%)	3,404,710
SHS	0.7 (5.9%)	2,929,420

HNX Top 5 theo % tăng

PEN	4.5 (30.0%)	24,900
SDG	1.9 (9.9%)	200
NDF	2.4 (9.8%)	58,000
SCL	2 (9.8%)	34,400
PVE	1.4 (9.6%)	585,020

HNX Top 5 theo % giảm

VC1	-2.1 (-9.9%)	1,100
V21	-0.6 (-9.8%)	3,000
DBT	-1.9 (-9.5%)	2,100
GMX	-0.9 (-9.5%)	1,000
AMV	-0.5 (-9.4%)	800

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	11,6 tỷ	290,000
DXP	2,7 tỷ	58,800
PVC	0,9 tỷ	26,200
NDN	0,5 tỷ	33,300
KLS	0,4 tỷ	29,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VND	-2,3 tỷ	145,000
TCT	-0,9 tỷ	6,400
PVE	-0,4 tỷ	28,500
VCG	-0,3 tỷ	21,100
SD9	-0,2 tỷ	10,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	561,176	15.54

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Bên bán vẫn khá chủ động, nhiều mã vốn hóa lớn bị bán mạnh khiến HNX-Index có thời điểm giảm khá sâu. Tuy nhiên, lực mua đã trở lại vào cuối phiên.
- ▶ KLGD tăng nhẹ và đạt 67 triệu đơn vị. Khối lượng liên tục sụt giảm cho thấy dòng tiền vẫn đang khá thận trọng trong nhịp điều chỉnh này.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 5,5 tỷ. Tập trung bán nhiều ở VND, PGS. Trong khi mua nhiều ở SHB, PVS.
- ▶ Mốc hỗ trợ 87 điểm tỏ rõ tác dụng trong những phiên vừa rồi. Nhiều khả năng nhịp hồi phục sẽ diễn ra trong những phiên tới.
- ▶ NĐT có thể mua trở lại nếu thanh khoản gia tăng mạnh mẽ, tập trung vào nhóm cổ phiếu đã điều chỉnh mạnh ở giai đoạn vừa rồi.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	42.1	18,806.09	10.4	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.2	13,828.66	20.5	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	9.4	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.0	6,183.95	10.7	1.1	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.5	5,100.00	83.3	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.4	4,142.91	14.3	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	8.8	1.1	12.7%	5.7%
LAS	77.8	34.3	2,669.64	6.9	1.8	27.5%	15.2%
PVX	400.0	6.6	2,640.00	2.0	3.4	-128.0%	-7.7%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.9	1,402.20	8.5	1.5	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.2	641.52	6.3	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.3	1,629.98	14.7	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.1	2,597.24	7.0	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	37.3	1,865.00	10.5	2.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	46.5	366.19	7.4	1.7	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,403.3	72,972.81	15.75%	52.0	16.29	4.44	1,875,759	2,350,068	1,323,184
HPG	HOSE	481.9	28,191.63	13.53%	58.5	10.07	2.66	929,590	1,020,345	959,416
PVD	HOSE	303.0	29,697.62	11.69%	98.0	12.66	2.68	954,204	691,232	470,620
MSN	HOSE	735.8	61,439.98	11.42%	83.5	#####	4.27	302,592	257,023	258,351
HAG	HOSE	789.9	19,273.54	8.11%	24.4	16.51	1.41	3,652,293	3,535,666	2,987,643
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	6.47%	18.8	7.75	1.25	742,127	598,396	394,770
VCB	HOSE	2,665.0	70,623.04	5.75%	26.5	15.47	1.60	497,419	583,594	414,510
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	4.79%	31.0	9.15	1.30	1,423,637	1,881,023	1,238,221
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	2.96%	8.7	66.64	0.79	8,255,057	9,874,367	6,704,084
KBC	HOSE	389.8	5,651.52	2.57%	14.5	24.57	1.10	3,982,728	3,835,818	2,154,878
BVH	HOSE	680.5	27,423.00	2.30%	40.3	22.16	2.32	488,121	331,824	209,995
HSG	HOSE	96.3	4,131.83	2.06%	42.9	12.70	1.75	189,621	255,416	171,693
GMD	HOSE	116.1	4,111.28	1.83%	35.4	8.02	0.84	1,421,641	978,560	452,316
PPC	HOSE	318.2	7,858.42	1.68%	24.7	16.07	1.56	1,383,665	1,086,622	762,653
HVG	HOSE	132.0	4,250.39	1.56%	32.2	34.50	1.74	2,883,185	2,179,966	1,178,657
CSM	HOSE	67.3	3,176.18	1.50%	47.2	8.53	2.57	399,619	356,228	364,622
PVT	HOSE	255.9	4,503.09	1.48%	17.6	17.60	1.45	3,252,183	2,749,317	2,086,321
DRC	HOSE	83.1	5,233.65	1.48%	63.0	13.42	3.64	345,388	265,663	250,895
VSH	HOSE	206.2	3,011.12	1.31%	14.6	14.36	1.12	752,647	976,649	782,410
DIG	HOSE	178.7	2,591.78	1.01%	14.5	68.12	1.05	1,306,536	807,634	403,140
OGC	HOSE	300.0	3,420.00	0.76%	11.4	41.71	1.07	3,180,788	3,621,767	2,309,284

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,403.3	72,972.81	8.28%	52.0	16.29	4.44	1,875,759	2,350,068	1,323,184
MSN	HOSE	735.8	61,439.98	8.09%	83.5	#####	4.27	302,592	257,023	258,351
VCB	HOSE	2,665.0	70,623.04	6.66%	26.5	15.47	1.60	497,419	583,594	414,510
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	6.34%	18.8	7.75	1.25	742,127	598,396	394,770
PVS	HNX	446.7	18,806.09	5.45%	42.1	10.40	2.21	5,802,382	5,139,800	3,655,200
BVH	HOSE	680.5	27,423.00	4.54%	40.3	22.16	2.32	488,121	331,824	209,995
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	4.18%	31.0	9.15	1.30	1,423,637	1,881,023	1,238,221
PVD	HOSE	303.0	29,697.62	4.04%	98.0	12.66	2.68	954,204	691,232	470,620
HAG	HOSE	789.9	19,273.54	3.68%	24.4	16.51	1.41	3,652,293	3,535,666	2,987,643
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	2.96%	8.7	66.64	0.79	8,255,057	9,874,367	6,704,084
PPC	HOSE	318.2	7,858.42	2.75%	24.7	16.07	1.56	1,383,665	1,086,622	762,653
FLC	HOSE	314.9	3,652.77	2.56%	11.6	7.74	0.98	24,391,326	20,553,192	16,855,200
SHB	HNX	886.1	8,151.97	2.53%	9.2	9.43	0.75	5,546,885	6,638,266	5,565,102
VCG	HNX	441.7	6,183.95	2.03%	14.0	10.65	1.09	2,320,091	1,776,741	1,172,115
OGC	HOSE	300.0	3,420.00	1.69%	11.4	41.71	1.07	3,180,788	3,621,767	2,309,284
PVT	HOSE	255.9	4,503.09	1.61%	17.6	17.60	1.45	3,252,183	2,749,317	2,086,321
DRC	HOSE	83.1	5,233.65	0.95%	63.0	13.42	3.64	345,388	265,663	250,895
IJC	HOSE	274.2	3,811.30	0.62%	13.9	23.37	1.34	2,253,510	2,597,492	2,271,879
PVX	HNX	400.0	2,640.00	0.00%	6.6	- 2.03	3.40	10,263,289	11,598,185	8,349,666

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,403.3	72,972.81	0.00%	52.0	16.29	4.44	1,875,759	2,350,068	1,323,184
MSN	HOSE	735.8	61,439.98	0.00%	83.5	#####	4.27	302,592	257,023	258,351
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	0.00%	31.0	9.15	1.30	1,423,637	1,881,023	1,238,221
HAG	HOSE	789.9	19,273.54	0.00%	24.4	16.51	1.41	3,652,293	3,535,666	2,987,643
VCB	HOSE	2,665.0	70,623.04	0.00%	26.5	15.47	1.60	497,419	583,594	414,510
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.00%	18.8	7.75	1.25	742,127	598,396	394,770
BVH	HOSE	680.5	27,423.00	0.00%	40.3	22.16	2.32	488,121	331,824	209,995
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.32	1.02	385,450	520,637	366,345
GAS	HOSE	1,895.0	202,765.00	0.00%	107.0	17.20	5.63	354,252	329,376	324,036

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,439.98	0.88%	83.5	#####	4.27	302,592	257,023	258,351
VIC	HOSE	1,403.3	72,972.81	0.56%	52.0	16.29	4.44	1,875,759	2,350,068	1,323,184
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.31%	18.8	7.75	1.25	742,127	598,396	394,770
VCB	HOSE	2,665.0	70,623.04	0.24%	26.5	15.47	1.60	497,419	583,594	414,510
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	0.15%	31.0	9.15	1.30	1,423,637	1,881,023	1,238,221
BVH	HOSE	680.5	27,423.00	0.08%	40.3	22.16	2.32	488,121	331,824	209,995

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,411	6.8	0.9	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,056	9.1	1.5	16.6%	11.1%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,609	24.4	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	852	7.5	1.0	12.9%	6.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,979	17.0	2.2	20.7%	9.6%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,865	3.2	0.8	24.6%	5.3%
Khai khoáng	12,234	64.8	5.6	0.3%	0.0%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,768	16.0	1.4	11.6%	7.6%
Xây dựng	32,098	47.3	1.3	-1.5%	2.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,219	8.3	1.2	16.3%	8.3%
Công nghiệp phức hợp	865	7.1	1.7	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,340	6.7	0.9	13.6%	6.0%
Thiết bị điện	1,841	18.7	1.1	0.7%	-0.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	44	13.4	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	9,032	9.5	1.4	15.1%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,350	3.2	1.1	4.3%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,994	8.7	1.5	18.9%	13.7%
Dịch vụ vận tải	6,130	7.9	1.5	18.7%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,509	11.2	1.9	14.6%	7.1%
Đào tạo & Việc làm	240	10.0	0.8	9.3%	3.2%
Nhà cung cấp thiết bị	186	8.2	0.8	11.1%	4.6%
Chất thải & Môi trường	183	2.8	0.9	35.2%	16.4%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,042	18.2	1.2	11.8%	6.3%
Lốp xe	8,647	10.7	3.1	27.5%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,546	7.7	1.3	15.6%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	307	13.7	2.1	16.1%	10.1%
Đồ uống & giải khát	221	6.4	1.1	14.3%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,750	11.9	1.8	16.8%	6.2%
Thực phẩm	198,089	24.2	4.7	20.4%	16.0%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	71	17.9	0.9	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,559	8.6	1.3	14.8%	7.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	543	42.8	1.4	3.7%	2.6%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,476	9.2	1.7	18.2%	7.2%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,592	10.3	1.9	17.8%	9.2%
Thuốc lá					
Thuốc lá	735	8.2	1.1	-1.3%	3.8%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,006	16.4	1.1	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	163	3.3	1.8	38.1%	16.3%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	188	8.6	1.1	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,228	10.6	2.9	24.9%	16.4%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	254	47.8	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	693	10.7	1.1	13.0%	7.7%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,966	10.9	1.9	17.3%	3.4%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,108	9.7	1.0	10.4%	7.3%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,668	72.7	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,393	14.2	1.4	14.5%	12.0%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,528	19.2	3.1	22.9%	19.5%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	671	16.1	0.9	5.6%	2.0%
Internet	303	63.9	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	18,351	11.4	2.3	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	479	16.6	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng	282	4.8	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	13,194	34.1	8.1	34.2%	11.5%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	25,446	- 6.0	1.4	-14.4%	0.6%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	205,712	16.8	5.5	33.0%	22.6%
Nước	1,248	6.7	1.1	16.9%	11.2%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,278	7.3	0.9	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,741	12.1	0.7	6.3%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,753	8.8	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	27,083	22.2	2.3	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,513	42.4	1.1	2.6%	0.8%
Môi giới chứng khoán	27,665	14.0	1.6	9.5%	7.0%
Ngân hàng					
Ngân hàng	240,113	11.1	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	169,370	17.3	2.9	20.9%	5.1%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	13	3.3	1.0	34.7%	11.6%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	51,521	11.6	2.5	22.6%	9.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.